

Số: 648/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Tu bổ đê điều năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông báo số 155/ĐĐ-QLĐĐ ngày 04/4/2023 của Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai về việc Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Tu bổ đê điều năm 2023;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại báo cáo thẩm định số 683/SNN-QLXD ngày 11/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Tu bổ đê điều năm 2023, với nội dung như sau:

1. Tên dự án: Tu bổ đê điều năm 2023 tỉnh Bắc Ninh.

2. Nhóm dự án, phân loại và phân cấp công trình:

- Dự án nhóm B.

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, công trình đê điều.

- Cấp công trình:

+ Các hạng mục công trình trên tuyến đê hữu Thái Bình, hữu Đuống, tả Đuống: Cấp I.

- + Các hạng mục công trình trên tuyến đê hữu Cầu: Cấp II.
- + Các hạng mục công trình trên tuyến đê bồi: Cấp V
- + Hạng mục xây dựng kho vật tư dự trữ PCLB - Hạt QLĐ Thuận Thành: Cấp IV.

3. Chủ đầu tư: Chi cục Thủy lợi Bắc Ninh.

4. Nhà thầu tư vấn lập dự án: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh.

5. Địa điểm xây dựng: các huyện: Gia Bình, Lương Tài; các thị xã: Quế Võ, Thuận Thành và thành phố Bắc Ninh.

6. Mục tiêu đầu tư

Để đảm bảo an toàn cho hệ thống đê điều, tăng cường khả năng phòng chống lụt bão. Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông đi lại của nhân dân, từ đó góp phần cho việc phát triển kinh tế xã hội trong khu vực dự án và khu vực lân cận.

7. Quy mô đầu tư, các giải pháp thiết kế, xây dựng

7.1. Quy mô xây dựng

a. Cứng hóa mở rộng mặt đê đoạn từ K0+000 :- K1+500 đê bồi Song Giang - Giang Sơn, huyện Gia Bình.

b. Tu bổ, đắp mở rộng, rải cấp phối đá dăm mặt đê đoạn từ K1+995 :- K2+880 và đoạn từ K6+250 :- K6+370 đê bồi Song Giang - Giang Sơn, huyện Gia Bình.

c. Cứng hóa mở rộng mặt đê đoạn từ K4+540 :- K5+540 và đoạn từ K5+750 :- K6+686.79 đê bồi Hoài Thượng, huyện Thuận Thành.

d. Tu sửa, nâng cấp mặt đê bị hư hỏng đoạn từ K45+000 :- K46+900 đê hữu Đuống, huyện Gia Bình.

e. Tu sửa mặt đê bị hư hỏng đoạn từ K57+550 :- K57+770,35 và đoạn từ K58+010 ÷ K58+160,33 đê hữu Cầu, thành phố Bắc Ninh.

f. Tu sửa, làm đường hành lang chân đê phía đồng trên các đoạn:

- Đoạn từ K22+305 ÷ K22+757,46 đê hữu Đuống, huyện Thuận Thành.

- Đoạn từ K30+900 ÷ K31+467,52 đê hữu Đuống, huyện Thuận Thành.

- Đoạn từ K36+645 ÷ K36+863,5 đê hữu Đuống, huyện Gia Bình.

- Đoạn từ K8+230 ÷ K9+582 đê hữu Thái Bình, huyện Lương Tài.

- Đoạn từ K45+870 ÷ K47+133 đê tả Đuống, huyện Quế Võ.

g. Xây dựng kho vật tư dự trữ PCLB - Hạt quản lý đê huyện Thuận Thành.

7.2. Các chỉ tiêu thiết kế chính

a. Cứng hóa mở rộng mặt đê:

- Đoạn từ K0+000 ÷ K1+500 đê bồi Song Giang - Giang Sơn, huyện Gia Bình.

+ Chiều dài:

L = 1500m.

+ Chiều rộng mặt đê (mở rộng): $B_m = 4,50\text{m}$. (Cứng hóa 4m, lề 1x0,5m)

+ Cao trình đỉnh đê: $+(8.71 \div 10.16)$.

- Đoạn từ K4+540 -:- K5+540 đê bồi Hoài Thượng, huyện Thuận Thành.

+ Chiều dài: $L = 1000\text{m}$.

+ Chiều rộng mặt đê (mở rộng): $B_m = 4,50\text{m}$. (Cứng hóa 4m, lề 1x0,5m)

+ Cao trình đỉnh đê: $+(9.19 \div 9.56)$.

- Đoạn từ K5+750 -:- K6+686,79 đê bồi Hoài Thượng, huyện Thuận Thành.

+ Chiều dài: $L = 936,79\text{m}$.

+ Chiều rộng mặt đê (mở rộng): $B_m = 4,50\text{m}$. (Cứng hóa 4m, lề 1x0,5m)

+ Cao trình đỉnh đê: $+(8.96 \div 9.12)$

b. Tu bổ, đắp mở rộng, rải cấp phối đá dăm mặt đê đoạn từ K1+995 ÷ K2+880 và đoạn từ K6+250 ÷ K6+370 đê bồi Song Giang – Giang Sơn, huyện Gia Bình:

- Đoạn từ K1+995 ÷ K2+880 đê bồi Song Giang - Giang Sơn, huyện Gia Bình.

+ Chiều dài: $L = 885\text{m}$.

+ Chiều rộng mặt đê (mở rộng): $B_m = 4,50\text{m}$. (Bcp=4m, lề 1x0,5m)

+ Cao trình đỉnh đê: $+(8.25 \div 9.10)$.

- Đoạn từ K6+250 -:- K6+370 đê bồi Song Giang - Giang Sơn, huyện Gia Bình.

+ Chiều dài: $L = 120\text{m}$.

+ Chiều rộng mặt đê (mở rộng): $B_m = 4,50\text{m}$. (Bcp=4m, lề 1x0,5m)

+ Cao trình đỉnh đê: $+(8.06)$.

c. Tu sửa, nâng cấp mặt đê bị hư hỏng đoạn từ K45+000 -:- K46+900 đê hữu Đuống, huyện Gia Bình.

+ Chiều dài : $L=1907,4\text{m}$.

+ Chiều rộng mặt đê: $B_m=12,5\text{m}$. (Cứng hóa 10,5m, lề 2x1,0m)

+ Cao trình đỉnh đê: $+9.90$.

d. Tu sửa mặt đê bị hư hỏng đoạn từ K57+530 -:- K57+750 và đoạn từ K58+010 -:- K58+160 đê hữu Cầu, thành phố Bắc Ninh.

- Đoạn từ K57+550 ÷ K57+770,35 đê hữu Cầu, thành phố Bắc Ninh:

+ Chiều dài: $L=220,35\text{m}$.

+ Chiều rộng mặt đê: $B_m=9,0\text{m}$. (CPĐĐ 7m, lề 2x1,0m)

+ Cao trình đỉnh đê: $+8.80$

- Đoạn từ K58+010 ÷ K58+160,33 đê hữu Cầu, thành phố Bắc Ninh:

+ Chiều dài: $L=150,33\text{m}$.

+ Chiều rộng mặt đê: $B_m=9,0\text{m}$. (CPĐĐ 7m, lề 2x1,0m)

+ Cao trình đỉnh đê thiết kế: $+8.60$

e. Tu sửa, làm đường hành lang chân đê phía đồng

Các thông số kỹ thuật chính của đường hành lang chân đê, như sau:

TT	Lý trình	Chiều dài (m)	Chiều rộng cứng hóa B_{bt} (m)	Cao trình đỉnh đường hành lang
I	Huyện Thuận Thành			
1	K22+305÷K22+757,46 đê hữu Đuống	452,46	5,0	+(6.00÷6.30)
2	K30+900 :- K31+467,52 đê hữu Đuống	567,52	7,0	+(4.80÷9.32)
II	Huyện Gia Bình			
1	K36+645÷K36+863,5 đê hữu Đuống	218,5	5,0	+(4.50)
III	Huyện Lương Tài			
1	K8+230÷K9+582 đê hữu Thái Bình	1352	5,0	+(3.50÷5.44)
IV	Huyện Quế Võ			
1	K45+870÷K47+133 đê tả Đuống	1335,17	5,0	+(4.50÷5.20)

f. Xây dựng kho vật tư dự trữ PCLB - Hạt quản lý đê huyện Thuận Thành

- Xây dựng nhà kho 2 tầng, kích thước (23,4x12,3x10,4); bao gồm: phòng làm việc, phòng kho, khu vệ sinh. Lắp đặt hệ thống điện, nước chống sét hoàn chỉnh.

- Xây dựng nhà kho 01 tầng có kích thước (18,0x8,0x8,4)m.

- Xây dựng 01 nhà xe có kích thước (10,5x5,0x2,55)m.

- Xây dựng bể đá, cát vàng có kích thước (15,0x6,0x1,0)m.

7.3. Nội dung xây dựng và giải pháp thiết kế

a. Cứng hóa mở rộng mặt đê đoạn từ K0+000 :- K1+500 đê bồi Song Giang - Giang Sơn, huyện Gia Bình; đoạn từ K4+540 :- K5+540 và đoạn từ K5+750 :- K6+686.79 đê bồi Hoài Thượng, huyện Thuận Thành

- Thân đê: Đắp áp trực mở rộng mặt cắt đê bằng đất đầm chặt đạt $K \geq 0,95$ và dung trọng khô đạt $\gamma_k \geq 1,65 T/m^3$, trồng cỏ chống xói mái và lè đê.

- Mặt đê: Được gia cố bằng 30cm lớp đất đầm chặt đạt $K \geq 0,98$, bên trên là cấp phối đá dăm loại 2 đầm chặt đạt $K \geq 0,98$, dày 15cm, Phía trên là bê tông M300 dày 25cm. Dùng máy cắt tạo khe co và khe giãn; khoảng cách khe co là 5m và khe giãn là 60m.

b. Tu bổ, đắp mở rộng, rải cấp phối đá dăm mặt đê đoạn từ K1+995 ÷ K2+880 và đoạn từ K6+250 :- K6+370 đê bồi Song Giang - Giang Sơn, huyện Gia Bình:

- Thân đê: Đắp áp trực hoàn thiện mặt cắt đê, đảm bảo yêu cầu chống lũ và kết hợp làm đường giao thông. Đất đắp đầm chặt dung trọng khô đạt

$\gamma_k \geq 1,65 T/m^3$. Trồng cỏ chống xói mái và lè đê.

- Mặt đê: Rải cấp phối đá dăm loại 2 đầm chặt đạt $K \geq 0,98$, dày 15cm.

c. Tu sửa, nâng cấp mặt đê bị hư hỏng đoạn từ K45+000 -:- K46+900 đê hữu Đuống, huyện Gia Bình.

Kết cấu nền - áo đường giao thông trên đỉnh đê gồm: tầng mặt; tầng móng và lớp đáy móng, kết cấu của mỗi bộ phận như sau:

+ Tầng mặt: Chiều rộng mặt đê $B=12,5m$, trong đó chiều rộng mặt cứng hóa là 10,50m, kết cấu mặt gồm 2 lớp: Lớp trên thảm nhựa hạt trung loại C12.5 dày 5cm, tưới nhựa dính bám RC70, lớp dưới nhựa hạt thô loại C19 dày 8cm, dưới tưới nhựa thấm bám RC70.

+ Tầng móng gồm 02 lớp: lớp móng trên (base) bằng cấp phối đá dăm loại I gia cố 5% xi măng dày 20cm rộng 10,90m; lớp móng dưới (sub - base) bằng cấp phối đá dăm loại II dày 20cm rộng 11,20m..

+ Lớp đáy móng: Đất đắp đầm chặt $K \geq 0,98$ dày 60cm, $CBR \geq 6$, rộng 11,20m.

d. Tu sửa mặt đê bị hư hỏng đoạn từ K57+530 -:- K57+750 và đoạn từ K58+010 -:- K58+160 đê hữu Cầu, thành phố Bắc Ninh.

- Bóc bỏ lớp bê tông cũ và vận chuyển đến bãi đổ thải. Đào san đất đến cao trình thiết kế và đắp đất đầm chặt $K \geq 0,95$, sức chịu tải $CBR \geq 4$ dày 50cm, trồng cỏ chống xói mái và lè đê.

- Mặt đê: Rải cấp phối đá dăm loại 1, dày 20cm đầm chặt $K \geq 0,98$.

e. Tu sửa, làm đường hành lang chân đê:

- Nền đường: Đào, san gạt và đắp tôn cao bằng đất đầm chặt $K \geq 0,95$ và 30cm lớp đất trên cùng đạt hệ số $K \geq 0,98$. Xây dựng tường chắn đất phía đê, kết cấu bằng gạch không nung M100, xây VXM M75.

- Kết cấu mặt đường: Lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 15cm, trên lớp móng rải 1 lớp nilon tái sinh. Gia cố mặt đường bằng bê tông M250 dày 25cm. Dùng máy cắt tạo khe co và khe giãn; khoảng cách khe co là 5m và khe giãn là 60m.

- Xây dựng tường chắn đất phía đê, kết cấu bằng gạch không nung M100, xây VXM M75.

- Rãnh thoát nước: Đáy rãnh bằng bê tông M200; tường xây bằng gạch không nung M100, xây VXM M75, phía trên đặt tấm đan bằng BTCT M250.

f. Xây dựng kho vật tư dự trữ PCLB - Hạt quản lý đê huyện Thuận Thành.

- Xây dựng nhà kho 2 tầng, kích thước (23,4x12,3): Tầng 1 và 2 cao: 3,90m; kết cấu dùng hệ khung chịu lực cột dầm sàn bằng bê tông cốt thép M250, tường xây gạch không nung M100, VXM75; chống nóng bằng tôn, cửa bằng gỗ. Tổng diện tích xây dựng 413,10 m² bao gồm: phòng làm việc, phòng kho, khu vệ sinh. Lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện, nước chống sét.

- Xây dựng nhà kho 1 tầng có kích thước (18,0x8,0)m, cao 8,4m, kết cấu dầm hệ khung chịu lực cột dầm sàn bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch VXM75, chống nóng bằng tôn, cửa bằng thép hình thép bản.

- Xây dựng bể đá, cát vàng có kích thước (15,0x6,0) xây gạch VXM75 cao 1,0m, chống nóng bằng tôn, cửa bằng thép hình thép bản.

- Xây dựng 1 nhà xe có kích thước (10,5x5,0)m, kết cấu: Cột thép mạ kẽm; xà gồ, vì kèo thép hộp; mái lợp tôn.

8. Tổng mức đầu tư: **85.000.000.000** đồng (Tám mươi lăm tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 76.191.635.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 1.687.631.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 5.800.170.000 đồng.
- Chi phí khác: 1.265.393.000 đồng.
- Chi phí dự phòng: 55.171.000 đồng.

9. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn kinh phí sự nghiệp Thủy lợi năm 2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thời gian thực hiện dự án: Xong trước 31/12/2023.
2. Hình thức quản lý dự án: Tổ chức tư vấn quản lý dự án.
3. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Theo quy định của pháp luật.
4. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Tổ chức thực hiện dự án theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chi cục Thủy lợi Bắc Ninh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã: Lương Tài, Gia Bình, Quế Võ, Thuận Thành; Chủ tịch UBND thành phố Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *MD*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Green
Vương Quốc Tuấn